

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 46/2023/DS-ST

Ngày 07-9-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất và yêu cầu di dời tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 6 và 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Sơn Thị D, sinh năm 1948 (có mặt);
 - Bà Dương Thị Thu N, sinh năm 1983 (có mặt);
- Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn:

- Ông Tăng Trường P, sinh năm 1989 (có mặt);
- Địa chỉ: Số 153 T, Khóm H, Phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tăng Trường P: Ông Lâm Khắc S, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số 34 K, Khóm M, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn

bản ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2018.

- Ông Huỳnh Kim N, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 26 N, Khóm C, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Số 523 Khóm B, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Như T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 153 T, Khóm H, Phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Trần Thị T1, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 523 Khóm B, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số 26 N, Khóm C, Phường T, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Dương Sa V, sinh năm 1945 (vắng mặt);

- Ông Dương Hồng P1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Sa V, ông Dương Hồng P1: Bà Dương Thị Thu N, sinh năm 1983 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 3 năm 2023.

- Ông Lý Kiên L, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 3, Khóm H, Phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh;

Địa chỉ: Số 09 L, Phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Văn T ủy quyền lại cho ông Dương Ngọc Vân T1, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, theo văn bản ủy quyền số: 54/UQ-UBND ngày 02 tháng 9 năm 2023 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T;

Địa chỉ: Số 478A M, Khóm B, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H, chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T.

Ông Trần Văn H ủy quyền lại cho ông Nguyễn Minh T2, chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T, theo văn bản ủy quyền số: 3241/STNMT-VP

ngày 28 tháng 10 năm 2022 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. *Người phiên dịch:* Ông Thạch Đ (có mặt);

Nơi làm việc: Hội Nông dân Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Sơn Thị D và bà Dương Thị Thu N là nguyên đơn có cùng ý kiến trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Sơn O là cha ruột của bà Sơn Thị D canh tác từ năm 1967 để nuôi chứa cách mạng. Năm 1995 ông Sơn O chết để lại cho bà Sơn Thị D tiếp tục canh tác cho đến nay với diện tích 4.200 m² thuộc tờ bản đồ số 01 tại Khóm B, Phường S, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Trong đó có 1.000 m² nằm trong phía đông kênh xáng gồm các thửa 690 diện tích 144,1 m²; 692 diện tích 193,2 m²; 696 diện tích 63,3 m²; 697 diện tích 130 m².

Vào mùa khô cuối năm 2017 bà D cắt lúa xong thì ông Tăng Trường P đến đổ xe đất lấp ruộng. Bà D có ngăn cản nhưng ông P vẫn tiếp tục đổ đất. Bà D có trồng thêm 17 cây chuối trên đất nhưng bị ông P chặt bỏ. Đến ngày 29 tháng 6 năm 2018 ông P xây dựng 15 cây cột và kéo lưới B40 trên phần đất tranh chấp. Bà D có báo Công an và Ủy ban nhân dân Phường C để ông P ngừng việc xây dựng.

Đối với ông Nguyễn Văn C thì ngày 20 tháng 6 năm 2018 ông C có đến năn nỉ bà D bán đất cho ông C nhưng bà D không đồng ý. Đến ngày 29 tháng 6 năm 2018 ông C làm đơn kiện bà D về việc bà D ngăn cản ông C bơm cát san lấp mặt bằng phần đất phía sau phần đất tranh chấp. Đến ngày 02 tháng 7 năm 2018 ông C cắm 04 trụ bê tông cốt thép và kéo lưới B40 rào quanh khu vực đất tranh chấp.

Đối với ông Huỳnh Kim N, vào ngày 05 tháng 7 năm 2018 ông N cắm trụ đá lấn qua đất của bà D. Bà D hỏi thì ông N cho rằng đất ông đòi với ông Tăng Trường P. Bà D ngăn cản và có báo Công an Phường C đến ngăn chặn. Sau đó bà D gửi đơn khởi kiện cho đến nay.

Nay bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N yêu cầu ông Tăng Trường P trả lại phần đất có diện tích 63,3 m² thuộc thửa số 696 và 130 m² thuộc thửa số 697; yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất có diện tích 144,1 m² thuộc thửa 690; yêu cầu ông Huỳnh Kim N trả lại phần đất có diện tích 193,2 m² thuộc thửa số 692; yêu cầu di dời tất cả tài sản trên đất; trả lại hiện trạng đất ruộng ban đầu cho bà D đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Tăng Trường P, ông Nguyễn Văn C, ông Huỳnh Kim N và công nhận cho bà Sơn Thị D được quyền sử dụng các phần đất nêu trên.

Theo nội dung văn bản trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lâm Khắc S là người đại diện theo ủy quyền của ông Tăng Trường P là bị đơn trình bày: Ông Tăng Trường P đang đứng tên sử dụng phần đất có diện tích 63,3 m² thuộc thửa 696 và diện tích 130 m² thuộc thửa 697 cùng loại đất trồng cây lâu năm tại Khóm B, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nguồn gốc đất: Vào

tháng 3 năm 2017, ông P nhận chuyển nhượng từ ông Lý Kiến L, bà Nguyễn Thị Phương A diện tích 530 m², thuộc thửa số 4, tờ bản đồ số 01. Tháng 8 năm 2017, ông P tách thửa một phần diện tích đất này để chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C diện tích 144,1 m² (thửa 690, tờ bản đồ số 01) và chuyển nhượng (đổi đất) với ông Huỳnh Kim N diện tích 193,2 m² (thửa 692, tờ bản đồ số 01).

Hiện tại ông P đang quản lý, sử dụng 04 thửa đất gồm: Thửa 696, 697 tờ bản đồ số 01 (nhận chuyển nhượng từ ông L, bà Phương A); thửa 698, 699 tờ bản đồ số 01 (trao đổi với ông N).

Nay đối với yêu cầu của bà D ông P không đồng ý do đất ông nhận chuyển nhượng hợp pháp. Vào thời điểm chuyển nhượng không ai tranh chấp, ngăn cản.

Theo nội dung văn bản trình bày ý kiến, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn C là bị đơn trình bày: Ông C là chủ sử dụng phần đất có diện tích 144,1 m² thuộc thửa số 690, tờ bản đồ số 01, loại đất cây lâu năm tại Khóm B, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên.

Về nguồn gốc đất vào tháng 8 năm 2017 ông C nhận chuyển nhượng từ ông Tăng Trường P. Sau đó ông C làm thủ tục sang tên và sử dụng cho đến nay.

Nay đối với yêu cầu của bà D ông C không đồng ý do đất ông nhận chuyển nhượng hợp pháp. Vào thời điểm chuyển nhượng không ai tranh chấp, ngăn cản.

Ông Huỳnh Kim N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày bằng văn bản trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông N là chủ sử dụng phần đất có diện tích 193,2 m² thuộc thửa số 692, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng cây lâu năm tại Khóm B, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc đất vào tháng 8 năm 2017 ông N trao đổi phần đất diện tích 605,6 m² loại đất trồng lúa thuộc thửa số 693, tờ bản đồ số 01 cho ông Tăng Trường P để lấy phần đất diện tích 193,2 m² thuộc thửa số 692. Hiện ông N đang quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 692.

Nay đối với yêu cầu của bà D, ông N không đồng ý do đất ông nhận chuyển nhượng hợp pháp. Vào thời điểm chuyển nhượng không ai tranh chấp, ngăn cản.

Bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày tại phiên tòa như sau: Bà H là vợ của ông Huỳnh Kim N, bà H thống nhất với ý kiến của ông Huỳnh Kim N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không nộp

bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật cũng như quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm nhưng không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án cần khắc phục trong những vụ việc khác. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị D và bà Dương Thị Thu N. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N đối với các thửa đất số 698, thửa 396, thửa 372, tờ bản đồ số 1 tại Khóm B, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn C.

Về án phí: Bà Sơn Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Dương Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và cung cấp thông tin: Bà Sơn Thị D và bà Dương Thị Thu N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản”. Phần đất các đương sự đang tranh chấp tại Khóm B (nay là Khóm S), Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, ông Huỳnh Kim N là bị đơn, bà Trần Như T, bà Trần Thị T1, bà Nguyễn Thị Phương A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; ông Tăng Trường P là bị đơn, ông Dương Sa V, ông Dương Hồng P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có mặt người đại diện tham gia phiên tòa; ông Lý Kiến L, Ủy ban nhân dân thành phố T, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N có khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất thuộc thửa số 698, diện tích 97,2 m², chiết thửa 396, chiết thửa 372, tờ bản đồ số 1 tại Khóm B, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn C và công nhận cho bà Sơn Thị D được quyền sử dụng các phần đất này. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng

như tại phiên tòa bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N thống nhất rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung này. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N.

[3] Về mặt nội dung: Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, phần đất tranh chấp giữa các đương sự có diện tích thực đo như sau: Thửa số 696, diện tích 63,3 m², thửa số 697, diện tích 130 m² hiện do ông Tăng Trường P quản lý; thửa 690, diện tích 144,1 m² hiện do ông Nguyễn Văn C quản lý; thửa số 692 diện tích 193,2 m² hiện do ông Huỳnh Kim N quản lý. Toàn bộ các thửa đất nêu trên thuộc tờ bản đồ số 1 tại Khóm B (nay là Khóm S), Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

[4] Về nguồn gốc đất: Bà Sơn Thị D cho rằng các phần đất tranh chấp có nguồn gốc từ ông Sơn O là cha của bà Sơn Thị D sử dụng từ năm 1964. Bà D có cung cấp cho Tòa án Tờ bán đứt trọn thửa ruộng ngày 06 tháng 10 năm 1966, Trích lục địa bộ ngày 29 tháng 9 năm 1966 nhưng các tài liệu này không có tên ông Sơn O. Bà D cho rằng phần đất nêu trên là do ông Sơn T2 là anh của ông Sơn O tặng cho lại ông Sơn O và có cung cấp cho Tòa án Tờ cho đứt đất ruộng ngày 26 tháng 5 năm 1967. Tuy nhiên văn bản này chỉ thể hiện cho 03 công đất, không thể hiện diện tích cụ thể, tứ cận, số thửa nên không có cơ sở xác định phần đất được thể hiện trong Tờ cho đứt đất ruộng ngày 26 tháng 5 năm 1967 là phần đất hiện tại đang tranh chấp. Theo lời khai của bà Trần Thị S là vợ ông Sơn T3 (ông Sơn T3 là con ông Sơn T2) và bà Sơn Thị H là con của ông Sơn T3 thì giữa ông Sơn T2 và ông Sơn O không có họ hàng gì. Bà Sơn Thị D cũng không có chứng cứ chứng minh cho quan hệ thân tộc giữa ông Sơn T2 và ông Sơn O. Như vậy, xét về nguồn gốc đất thì bà Sơn Thị D không có chứng cứ chứng minh là của ông Sơn O hay của bà Sơn Thị D.

[5] Về quá trình kê khai, đăng ký đất qua các thời kỳ: Căn cứ Công văn số: 2211/CNTPTV ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T thể hiện:

- Thửa 690, 692, 696, 697 theo tư liệu kê khai năm 1983 thuộc thửa số 1, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.000 m² do Thạch Thị H kê khai trong sổ mục kê năm 1983. Năm 1991 thuộc một phần thửa 24, tờ bản đồ số 1, diện tích 600 m² do Nguyễn Hải Y kê khai trong sổ cấp giấy năm 2003.

- Thửa 690 theo tư liệu kê khai năm 2004 có diện tích 144,1 m² do Nguyễn Văn C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 692 theo tư liệu kê khai năm 2004 có diện tích 193,2 m² do Huỳnh Kim N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 696 theo tư liệu kê khai năm 2004 có diện tích 63,3 m² do Tăng Trường P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 697 theo tư liệu kê khai năm 2004 có diện tích 130 m² do Tăng Trường P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, qua các thời kỳ ông Sơn O, bà Sơn Thị D không có kê khai, đăng ký đối với các phần đất hiện tại đang tranh chấp.

[6] Về quá trình sử dụng đất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Sơn Thị D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông Sơn O, bà Sơn Thị D có trực tiếp sử dụng đất. Bà Sơn Thị D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có người biết bà Sơn Thị D, ông Sơn O có trực tiếp sử dụng đất. Tòa án có tiến hành xác minh Trưởng Ban nhân dân Khóm B giai đoạn năm 2007 - 2017 nhưng Trưởng Ban nhân dân Khóm B không biết bà Sơn Thị D là ai. Căn cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ biến động qua các thời kỳ của phần đất đang tranh chấp thể hiện phần đất đang tranh chấp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho ông Nguyễn Hải Y với diện tích 600 m² thuộc thửa 24, tờ bản đồ số 1, loại đất trồng lúa tại xã D, huyện C (nay là Phường C, thành phố T), tỉnh Trà Vinh vào ngày 17 tháng 9 năm 1997. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C khai biết ông Nguyễn Hải Y do ông Nguyễn Hải Y trực tiếp sử dụng đất này. Bà H, ông C cũng sử dụng phần đất liền kề phần đất tranh chấp từ lâu, trước khi ông Tăng Trường P nhận chuyển nhượng. Bà H, ông C chỉ thấy ông Y quản lý, sử dụng đất chứ không biết bà D là ai. Sau đó ông Nguyễn Hải Y cho lại vợ chồng người con của ông Nguyễn Hải Y. Hiện tại ông Y đang cư trú ở đâu không rõ. Như vậy, lời khai của bà H và ông C là phù hợp với hồ sơ cấp giấy và hồ sơ biến động đất đai.

[7] Đối với ông Tăng Trường P, ông Nguyễn Văn C, ông Huỳnh Kim N sử dụng đất dựa trên hợp đồng chuyển nhượng hợp pháp, được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng đất. Vào thời điểm nhận chuyển nhượng không có ai ngăn cản, tranh chấp. Bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N không có chứng cứ gì chứng minh về việc gia đình bà D có trực tiếp sử dụng đất.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho nguồn gốc đất là của bà Sơn Thị D hay ông Sơn O. Về hồ sơ kê khai, đăng ký qua các thời kỳ cũng không có tên bà D hay ông On. Bà D cũng không có chứng cứ chứng minh cho việc bản thân bà hay gia đình bà có trực tiếp sử dụng đất. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N là không có cơ sở để chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà Sơn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà Sơn Thị D là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí. Đối với bà Dương Thị Thu N có đơn đề nghị miễn án phí do là con của người có công với cách mạng và là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì con của người có công với cách mạng không thuộc diện miễn án phí. Căn cứ Công văn số: 18/CV-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì hiện tại 7/7 ấp của xã L không còn ấp

thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Như vậy, bà Dương Thị Thu N không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin: Bà Sơn Thị D và bà Dương Thị Thu N phải chịu 14.481.200 đồng. Bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N đã nộp tạm ứng 18.000.000 đồng nên không phải nộp thêm và được hoàn trả lại 3.518.800 đồng. Bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh để nhận lại số tiền này.

[11] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 99; Điều 100; Điều 101; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào Điều 12; khoản 1, khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N về việc yêu cầu ông Tăng Trường P trả lại phần đất có diện tích 63,3 m² thuộc thửa số 696 và 130 m² thuộc thửa số 697; yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất có diện tích 144,1 m² thuộc thửa 690; yêu cầu ông Huỳnh Kim N trả lại phần đất có diện tích 193,2 m² thuộc thửa số 692 cùng tờ bản đồ số 1 tại Khóm B (nay là Khóm S), Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; yêu cầu di dời tất cả tài sản trên đất; trả lại hiện trạng đất ruộng ban đầu cho bà Sơn Thị D; đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Tăng Trường P, ông Nguyễn Văn C, ông Huỳnh Kim N và công nhận cho bà Sơn Thị D được quyền sử dụng các phần đất nêu trên.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả lại cho bà Sơn Thị D phần đất thuộc thửa số 698, diện tích 97,2 m², chiết thửa 396, chiết thửa 372, tờ bản đồ số 1 tại Khóm B (nay là Khóm S), Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn C và công nhận cho bà Sơn Thị D được quyền sử dụng các phần đất này.

Về án phí: Bà Sơn Thị D được miễn án phí. Bà Dương Thị Thu N phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và cung cấp thông tin: Bà Sơn Thị D và bà Dương Thị Thu N phải chịu 14.481.200 đồng. Bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N đã nộp tạm ứng 18.000.000 đồng nên không phải nộp thêm và được hoàn trả lại 3.518.800 đồng. Bà Sơn Thị D, bà Dương Thị Thu N liên hệ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh để nhận lại số tiền này.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa và các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa